

# Người tù binh da đen

- NGUYỄN ĐÌNH THI -

Giữa hàng vạn binh lính của quân đội viễn chinh lúc nhúc kéo đi đen kịt chung quanh Điện Biên Phủ, sáng hôm ấy có một đoàn hơn ba trăm tù binh hạng “cao cấp” cúi gầm mặt, lê sên sệt giầy đinh trên con đường nham nhở cỏ cháy. Đó là những sĩ quan Pháp từ quan ba, quan tư trở lên cho đến tên tướng “Mỹ phong” Đờ Cát. Những con mắt quen ngạo nghễ và trâng tráo lúc này cúp xuống len lét khi nhìn những chiến sĩ và những anh chị dân công cười nói với nhau hồn nhiên và hớn hở.

Đoàn sĩ quan Pháp vẫn cúi mặt đi qua những xóm bản đã trụi đen vì bom na-pan, những rừng chuối vườn cam bị chém nát vì đạn đại bác của chúng. Hai bên đường chúng đi, mỗi khi qua một khu rừng có tù binh lại nhón lên. Những

người lính da trắng, da đen xô đẩy nhau chỉ trỏ, những câu giễu cợt, câu chửi thốt lên bằng đủ hai mươi mấy thứ tiếng nói. Nhưng khi qua trước những đơn vị bộ đội Việt Nam, bọn sĩ quan Pháp chỉ thấy những con mắt nhìn im lặng, khinh bỉ hoặc nẩy lửa.

Những người chiến sĩ đi áp tải bọn chúng cũng im lặng và thản nhiên. Không người nào giơ tay đánh đập hoặc nạt nộ chúng. Gặp đám tù binh nào có vẻ hăm dọa, họ dẹp cho chúng yên ổn đi qua. Nhưng không ai nói với chúng một lời. Khi một tên quan năm mon men ra ngoài hàng rút bao thuốc lá Mỹ mời một anh tiểu đội trưởng, anh xua tay chỉ cho nó đi trở lại vào trong hàng. Tên quan Pháp nhún vai, làm ra vẻ không hiểu sự lạnh lùng “kém văn minh” đó.

Trong đoàn tù binh gồm toàn những sĩ quan Pháp, có hai người lính da đen đi hai bên tướng Đờ Cát. Một người cao lớn và còn trẻ đeo cái ba lô của tên tướng Pháp, cái ba lô tử chề to nặng làm anh ta gò lưng xuống. Một người trên đầu đã điểm bạc, đôi mắt nhắm nại và buồn bã, bên vai khoác cuộn chăn len dày cũng của tên tướng Pháp. Giữa hai người lính hầu lúc nào cũng theo hai bên nó như hai cái bóng, tên tướng Đờ Cát cầm cái gậy ngắn của sĩ quan, vừa hút thuốc lá vừa lòng khò đi, cái mũi nhọn dài xuống.

Hai người lính hầu đã mấy lần bị những toán tù binh da đen ném đất. Nên mỗi lần sắp đi qua một toán người đồng chủng, họ lại nhìn nhau lo lắng và khổ sở. Người lính hầu trẻ tuổi đeo nặng quá, mặt anh ta rờn rờn mồ hôi. Anh ta có vẻ đói, nhiều lúc hai chân anh đã run lên.



Qua một cánh đồng, bắt đầu phải leo một quãng đồi dốc, người lính da đen trẻ tuổi bỗng khuyu chân xuống. Anh ngồi thở hồng hộc. Khi một chiến sĩ Việt Nam tới đưa cho bi đông nước, anh run rẩy dốc cái bi đông uống lấy uống để.

Hai người lính da đen quay ra to tiếng với nhau, người lính già lâu bầu trong miệng, người lính trẻ giọng nửa van vỉ, nửa uất ức. Đờ Cát đứng hút thuốc lá, mỉm cười chán nản nhìn người chiến sĩ Việt Nam như phân bua. Biết làm thế nào, nó tội thế đấy! Người chiến sĩ Việt Nam chỉ vào cái ba lô rồi lại chỉ vào vai tên tướng Pháp. Đờ Cát giơ tay giơ chân như không hiểu được. Người chiến sĩ Việt Nam lại chỉ vào cái ba lô và chỉ vào vai tên tướng Pháp lần nữa. Hai người lính da đen cùng ngẩn người, rồi bỗng người lính già cúi xuống đeo cái ba lô lên vai mình.

Đoàn sĩ quan tù binh đi một quãng nữa thì người lính hầu trẻ tuổi bỏ hàng và chạy vào với một toán tù binh da đen ở bên đường.

Người lính hầu già vẫn è cổ đeo cái ba lô to nặng lù lù và cuộn chăn len dày đi sau tướng Đờ Cát về tới trạm tù binh, ở khu rừng cao và kín đáo bên một dòng suối trong. Anh ta ngã khuyu xuống bên bờ suối và cũng như người lính trẻ lúc nãy, anh ngồi thở hồng hộc rồi vốc nước suối lên uống lấy uống để. Đờ Cát vào ngồi một mình trong cái lán, chống tay lên cái bàn nữa. Nó lột cái mũ ca lô đỏ xuống, cầm mân mê, mắt tư lự nhìn ngôi sao thiếu tướng mới đánh trên cái mũ ấy, đôi môi mỏng trắng nhếch ra một nụ cười trầm ngâm như kể anh hùng lữ bước sa cơ. Người lính hầu da đen đeo ba lô

và chần lên tới nơi, đặt vào góc lán rồi lạng lẽ ra ngồi xuống đất ở bên ngoài. Đờ Cát ngoái cổ khẽ gật đầu rồi móc ba lô lấy thuốc lá Ca-men ra hút và lại ngồi chìm đắm trong nụ cười nhợt nhạt tư lự.

Trong trại đã chia cơm. Bọn quan ba, quan tư ít cảm khái hơn, lúc này xúm nhau lại chí chóc chung quanh những gánh cơm và thức ăn. Bát đĩa chưa có, chúng cầm cơm nắm mà cắn và tranh nhau bốc thịt trong các chậu canh. Những thằng tháo vát hơn đã nhặt được những vỏ đồ hộp, xuống suối tráng qua rồi chạy lên xông vào múc canh, mỗi đứa mang ra một gốc cây ngồi húp.

Một đồng chí cấp dưỡng tới lán của Đờ Cát. Người lính hầu da đen ngẩng lên nhìn anh cấp dưỡng đặt lên cái bàn nửa một nắm cơm và một bát canh. Rồi anh quay ra chia cho người lính da đen cũng một nắm cơm và một bát canh như thế. Anh sang lán bên cạnh chia cho tiểu đội gác cũng những nắm cơm và một chậu canh. Làm xong việc, anh trở về trước lán của Đờ Cát, nhìn qua tên tướng Pháp một cách thú vị. Anh vừa cười nói vừa giở một gói thuốc lá nhỏ, cuộn một điếu đưa cho người tù binh da đen, rồi cuộn một điếu khác châm hút ngon lành.

Anh cấp dưỡng đi khỏi, người lính dụi tắt điếu thuốc, bỏ vào túi và vừa ngồi ăn cơm vừa nhìn trộm tướng Đờ Cát. Tên tướng Pháp ăn khó nhọc như không nuốt được và mắt vẫn như không nhìn xem là nó đang ăn gì. Tuy vậy nắm cơm và bát canh cũng sắp hết. Người lính hầu, vẻ ái ngại và lo lắng, móc trong túi áo ra một gói bánh bích quy bọc giấy bạc lấp lánh và



đem vào khế đặt lên cái bàn nứa. Đờ Cát ngẩng lên khế gạt đầu và bóc gói bánh ra nhai.

Bữa cơm xong, tên tướng Pháp lại ngồi hút thuốc lá trong lán. Người lính da đen ngồi bên ngoài, tìm mẩu thuốc lá trong túi áo. Anh đặt mẩu thuốc trên tay ngồi nhìn hồi lâu, trong đôi mắt nhẩn nại và buồn rầu như chất chứa những điều chưa suy nghĩ ra được. Hồi lâu anh lại cẩn thận cất mẩu thuốc vào túi áo.

\* \* \*

Khi một chiến sĩ Việt Nam tới gọi Đờ Cát đi, người lính hầu da đen lại đeo vội cái ba lô và cuộn chăn len lên vai. Anh chiến sĩ Việt Nam lắc đầu, ra hiệu cho tên tướng Pháp phải đeo lấy các đồ dùng của nó. Đờ Cát giơ tay chân cãi lại. Nhưng anh chiến sĩ đeo khẩu tiểu liên bỗng trừng mắt quát lên. Đờ Cát tái mặt quàng vội cái ba lô.

Họ lên một cái gò nhỏ, tới nơi khám xét của trạm tù binh. Hai người sĩ quan Việt Nam ngồi sau một cái bàn gỗ trắng đang hỏi một tên quan năm. Cách vài bước, mười mấy tên quan năm khác ngồi trên mấy cái ghế dài làm bằng thân cây.

Đờ Cát leo lên đến nơi, hai chân lẩy bẩy. Nó bấu môi vứt phịch cái ba lô xuống. Một người sĩ quan Việt Nam nhìn ra và nói rõ:

- Phải chào đi!

Đờ Cát đứng giơ tay lên mũ:

- Tôi yêu cầu đưa tôi lên gặp một sĩ quan cao cấp Việt Nam.

- Anh ra ngồi kia, đợt lượt khám.

Đờ Cát nhún vai ra ngồi với bọn quan năm. Sau một góc cây, người lính hầu da đen đứng sệt sệt, không biết nên đi vào hay lui xuống. Người sĩ quan Việt Nam gọi:

- Anh vào ngồi trên ghế kia.

Đờ Cát hất hàm nói:

- Nó là lính hầu của tôi!

Người sĩ quan Việt Nam trả lời:

- Ở đây không có ai là lính của anh. Các anh dẹp lại cho người ta một chỗ ngồi.

Người lính da đen lúng túng ngồi xuống giữa bọn tướng tá.

Khám xong tên quan năm, hai người sĩ quan Việt Nam gọi Đờ Cát đến. Tên tướng Pháp không đợi hỏi, nói ngay:

- Tôi phản đối cách quân đội Việt Nam đối đãi với tôi. Tôi đã từng làm tù binh bọn na-di<sup>(1)</sup>, chúng nó cũng không bắt tôi đeo ba lô.

Người sĩ quan Việt Nam thông thả trả lời:

- Vì bọn na-di với các anh giống nhau. Còn chúng tôi, nếu chúng tôi đối đãi với anh như các anh vẫn đối đãi với tù binh Việt Nam, thì anh đã không còn được đứng yên ổn như thế. Anh đem ba lô của anh lại, mở ra cho chúng tôi xem, và có đồ vật gì trong người cũng trình ra để ghi biên bản.

---

(1) Na-di: phát xít Đức.



Trên cái bàn gỗ trắng, Đờ Cát lần lượt bày các đồ vật đựng trong ba lô. Người lính da đen im lặng nhìn mấy tút thuốc lá Ca-men, hai chai rượu Huýt-ki, ba cái bút máy Pác-ke vàng, bốn, năm bộ quần áo ba-bác-đin, một con dao găm to nặng, ảnh của tướng Tát-xi-nhi, một gói bạc Đông Dương dây cộm, một gói tiền vàng và nhẫn vàng, hai cái đồng hồ tay vàng... Đờ Cát vẫn tiếp tục bày ra la liệt trên bàn.

Đêm xuống, trong khu rừng âm u, những đống lửa nhóm lên xôn xao dưới những thân cây cao vút. Người tù binh da đen ngồi trên một tảng đá, bàng hoàng nhìn những chiến sĩ Việt Nam tùm nập ba cười đùa với nhau. Một nhóm vẫy anh lại. Anh rụt rè đi tới và nhận ra trong nhóm ấy một người sĩ quan lúc chiều đã khám hỏi bọn tướng tá Pháp.

Một anh chiến sĩ trẻ tuổi má hồng như con gái vừa cười vừa hỏi to:

- Phi-ní<sup>(1)</sup> ba lô, phi-ní ba lô?

Người lính da đen gật đầu cười hiền lành:

- Phi-ni, phi-ni!

Chung quanh cười như nắc nẻ. Một chiến sĩ đã đứng tuổi hỏi mấy câu, người sĩ quan dịch lại:

- Thế nào, anh bị bắt có buồn lắm không, có sợ không?

Người lính da đen vẫn cười, không dám trả lời thế nào. Anh chiến sĩ lại hỏi:

- Anh có con chưa?

---

(1) Phi ní: hết rồi.

- Có rồi, hai con gái.

- Chúng nó lớn chưa, có bằng từng này không?

Anh chiến sĩ Việt Nam rút trong túi ra một cuốn sổ tay trong đó có dán ảnh con gái anh. Người lính da đen không dám cầm lấy cuốn sổ, chỉ ghé nhìn và gật gật.

- Một đứa bằng ấy, một đứa bé hơn.

- Tên chúng nó là gì?

Hai mắt người lính da đen xa mờ đi. Anh chiến sĩ đứng tuổi lại hỏi:

- Sao anh tóc đã hoa râm thế còn đi lính cho Pháp?

Người tù binh ngồi ngậy ra, rồi bỗng chảy nước mắt. Giọng ngắc ngứ, vừa nói vừa ra hiệu, anh bắt đầu kể chuyện. Anh là người Ma-rốc, làm thợ mộc ở một làng vùng núi. Nhà có một mẹ già, hai anh em. Pháp đến bắt lính. Người em bỏ trốn vào rừng... Những hình ảnh của quê hương xa xôi hiện lên dồn dập như gọi anh trở về nguồn gốc cũ. Đã bao năm, anh hầu như quên mất hẳn là anh đã có một cuộc đời khác của mình.

(Tuyển tập thơ văn Điện Biên Phủ -  
NXB Văn học - 2004)



# Kéo pháo

- CHU PHÁC -

Trước khi tạm biệt núi Vân Trinh, đơn vị Giáo cùng bà con dân làng họp mặt liên hoan. Giáo là một chiến sĩ trẻ và vui nhộn nổi tiếng trong đơn vị. Nhưng đứng trước đồng bào, nhất là có phụ nữ thì Giáo càng rụt rè e thẹn. Hôm ấy nào trưởng ban văn nghệ, nào anh em trong đơn vị luôn luôn đề nghị Giáo ra giữa sân ngâm thơ hoặc hát một bài. Họ nhắc đi nhắc lại câu:

- Thanh niên chưa vợ, hăng hái lên chứ!

Giáo ngượng chín cả người, ngồi nép sau tiểu đội trưởng, đầu cúi xuống như giấu không cho mọi người thấy nét mặt đỏ nhừ và bẽn lẽn của mình. Mấy anh chàng tinh nghịch xô đến, nắm lấy tay Giáo, kéo anh đứng dậy, dắt ra sân, rồi một người giới thiệu oang oang:

- Thưa bà con, thưa các đồng chí! Thanh niên Giáo có một bài thơ hay lắm, hằng ngày anh vẫn ngâm nga. Chúng tôi giới thiệu anh Giáo ra mắt bà con.

Nói xong, các chiến sĩ chạy ùa về chỗ ngồi để một mình Giáo đứng giữa sân. Giáo ít tuổi, lại hay thẹn, hai mắt long lanh, gò má đỏ ửng trông rất đáng yêu. Đôi môi Giáo mấp máy ngượng ngùng, mạnh bạo nói:

- Tôi không thuộc ạ!

- Không thuộc cũng phải đọc cho bà con nghe.

Các chiến sĩ đáp lại rì rầm, chỉ trỏ về phía đám thanh nữ đang cười rúc rích, khẽ xô đẩy nhau phía góc sân đình, Giáo cất giọng run run:

- “Súng tôi là vợ, đạn là con

Quyết sống theo nhau nếu giặc còn...”

- Hết ạ! - Giáo nói to, ù té chạy về chỗ ngồi.

Các chiến sĩ lại xôn xao:

- Chưa hết! Chưa hết!

Trưởng ban văn nghệ đỡ lời:

- Thôi! Thôi! Tôi đề nghị đến lượt chị em phụ nữ.

- Đúng đấy! Đúng đấy!

Các chiến sĩ vỗ tay hưởng ứng. Từ phía góc sân đình, một nữ thanh niên đang rẽ mọi người đi ra. Có lẽ chị trẻ nhất trong tốp ấy. Đôi mắt lấp lánh tinh nhanh. Chị vừa đi vừa gấp chéo chiếc khăn vuông đen, quàng lên cổ, buộc lỏng hai đầu khăn ở trước ngực. Chị cười mუმ mუმ rồi nói:

- Chúng em sẽ hát, hát hai, ba bài và thi đua với các anh.

Các anh coi “Súng là vợ, đạn là con” thì chúng em cũng coi “Thóc là chồng, gạo là con” để thực hiện khẩu hiệu “thực túc binh cường”. Nhưng đề nghị anh Giáo đọc nốt bài thơ đã.